|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC**TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**--------------------*(Đề thi có 05 trang)* | **HSG LỚP 11 CẤP TRƯỜNG LẦN 2NĂM HỌC 2022 - 2023MÔN: VẬT LÍ 11***Thời gian làm bài: 90 PHÚT(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ............. | **Mã đề 104** |

**Câu 1.** Hiện tượng nào sau đây không phải hiện tượng phóng điện trong chất khí?

 **A.** hồ quang điện; **B.** sét;

 **C.** dòng điện chạy qua thủy ngân **D.** đánh lửa ở buzi;

**Câu 2.** ật khối lượng 50kg đặt trên mặt bàn nằm ngang .Hệ số ma sát trượt giữa vật và mặt bàn là 0,2 .Vật được kéo đi bởi một lực 200N .Tính gia tốc và quãng đường đi được sau 2 s.Lấy g =10m/s2

 **A.** 2,5 m/s2,3,5m **B.** 2 m/s2 ,3,5m **C.** 2 m/s2 , 4 m **D.** 2,5 m/s2 ,4m

**Câu 3.** Công của lực điện trường khi một điện tích di chuyển từ điểm M đến điểm N trong điện trường đều là A = qEd. Trong đó d là

 **A.** chiều dài MN.

 **B.** chiều dài đường đi của điện tích.

 **C.** độ dài đại số hình chiếu của đường đi lên một đường sức.

 **D.** đường kính của quả cầu tích điện.

**Câu 4.** Giữa hai bản kim loại phẳng song song cách nhau 4cm có một hiệu điện thế không đổi 200V. Cường độ điện trường ở khoảng giữa hai bản kim loại là

 **A.** 800V/m **B.** 80V/m. **C.** 5000V/m **D.** 50V/m

**Câu 5.** Một dòng điện không đổi, sau 2 phút có một điện lượng 24C chuyển qua một tiết diện thẳng. Cường độ dòng điện đó là

 **A.** 0,2A **B.** 0,4A **C.** 12A **D.** 48A.

**Câu 6.** Hiện tượng siêu dẫn là hiện tượng

 **A.** điện trở của vật giảm xuống rất nhỏ khi điện trở của nó đạt giá trị đủ cao.

 **B.** điện trở của vật dẫn giảm xuống giá trị rất nhỏ khi nhiệt độ giảm xuống thấp.

 **C.** điện trở của vật bằng không khi nhiệt độ bằng 0 K.

 **D.** điện trở của vật giảm xuống bằng không khi nhiệt độ của vật nhỏ hơn một giá trị nhiệt độ nhất định.

**Câu 7.** Nguồn E = 24 V, r = 1,5 Ω đuợc dùng để thắp sáng 12 đèn là 3V-3W cùng với 6 đèn 6V-6W. Có bao nhiêu cách mắc để các đèn sáng bình thuờng ?

 **A.** 8 cách **B.** 9 cách **C.** 6 cách **D.** 2 cách

**Câu 8.** Phát biểu nào **không** đúng khi nói về nguồn điện ?

 **A.** giữa hai cực của nguồn điện luôn có một hiệu điện thế được duy trì.

 **B.** là thiết bị tạo ra và duy trì dòng điện trong mạch.

 **C.** hai cực của nguồn điện nhiễm điện trái dấu.

 **D.** bên trong nguồn điện luôn có sự dịch chuyển các điện tích dương từ cực dương sang cực âm.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

 **A.** Hạt tải điện trong kim loại là ion dương và ion âm.

 **B.** Dòng điện chạy qua dây dẫn kim loại gây ra tác dụng nhiệt.

 **C.** Dòng điện trong kim loại tuân theo định luật Ôm nếu nhiệt độ trong kim loại được giữ không đổi

 **D.** Hạt tải điện trong kim loại là electron.

**Câu 10.** Chọn phát biểu nào có nội dung **sai** về hiệu điện thế giữa hai điểm M, N ?

 **A.** Tỉ lệ với công của lực điện thực hiện lên điện tích q.

 **B.** Còn gọi là điện áp giữa hai điểm M, N.

 **C.** Được xác định giá trị nhờ tĩnh điện kế.

 **D.** Luôn có giá trị dương.

**Câu 11.** Vào mùa hanh khô, có khi ta kéo áo len qua đầu sẽ nghe thấy có những tiếng nổ lép bép. Đó là do:

 **A.** một hiện tượng khác với A, B và **C**

 **B.** có hiện tượng nhiễm điện do hưởng ứng.

 **C.** có hiện tượng nhiễm điện do cọ sát

 **D.** có hiện tượng nhiễm điện do tiếp xúc

**Câu 12.** Xét tương tác của hai điện tích điểm trong một môi trường xác định. Khi lực đẩy Culomb tăng 2 lần thì hằng số điện môi

 **A.** vẫn không đổi. **B.** giảm 2 lần. **C.** tăng 2 lần. **D.** giảm 4 lần

**Câu 13.** Câu nào dưới đây nói về phân loại chất bán dẫn là **không** đúng?

 **A.** Bán dẫn tạp chất là bán dẫn trong đó các hạt tải điện chủ yếu được tạo bởi các nguyên tử tạp chất.

 **B.** Bán dẫn loại n là bán dẫn trong đó mật độ lỗ trống lớn hơn rất nhiều mật độ electron.

 **C.** Bán dẫn hoàn toàn tinh khiết là bán dẫn trong đó mật độ electron bằng mật độ lỗ trống.

 **D.** Bán dẫn loại p là bán dẫn trong đó mật độ electron tự do nhỏ hơn rất nhiều mật độ lỗ trống.

**Câu 14.** Bản chất dòng điện trong chất điện phân là

 **A.** dòng electron dịch chuyển ngược chiều điện trường.

 **B.** dòng chuyển dời có hướng của các ion dương theo chiều điện trường và các ion âm ngược chiều điện trường

 **C.** dòng ion dương dịch chuyển theo chiều điện trường.

 **D.** dòng ion âm dịch chuyển ngược chiều điện trường.

**Câu 15.** Một tụ điện có điện dung C mắc vào hiệu điện thế U thì có điện tích là Q. Phát biểu nào sau đây là đúng

 **A.** Q tỉ lệ nghịch với U **B.** C không phụ thuộc U

 **C.** C tỉ lệ thuận với Q **D.** C tỉ lệ nghịch với U

**Câu 16.** Một tụ điện có ghi 2000 pF – 5000V được mắc vào một hiệu điện thế 4000V. Tính điện tích tối đa mà tụ điện có thể tích được.

 **A.** 10μC **B.** 40μC **C.** 20 μC **D.** 30μC

**Câu 17.** Một điện tích q = 4.10-8C di chuyển trong môt điện trường đều có cường độ E = 100V/m theo một đường gấp khúc ABC . AB = 20cm, hợp với  một góc 300, BC = 40cm và  hợp  một góc 1200. Công của lực điện là:

 **A.** 1,5.10-6J. **B.** 7,5.10-4J. **C.** -2,07.10-5J. **D.** -1,07.10-7J.

**Câu 18.** Nguồn điện có công suất P = 5 kW được truyền đi với hiệu điện thế U = 750 V đến địa điểm cách xa nguồn. Để tổn hao điện năng trên đường dây không vượt quá 10% công suất tải đi thì điện trở lớn nhất của đường dây tải là

 **A.** 212,50 Ω. **B.** 21,25 Ω. **C.** 11,25 Ω. **D.** 112,50 Ω.

**Câu 19.** Một mạch có hai điện trở 3Ω và 6Ω mắc song song được nối với một nguồn điện có điện trở trong 1Ω. Hiệu suất của nguồn điện là:

 **A.** 66,7% **B.** 11,1% **C.** 90% **D.** 16,6%

**Câu 20.** Một vật có khối lượng 200 g trượt xuống một mặt phẳng nghiêng nhẵn với gia tốc 4m/s2. Lấy g = 10 m/s2. Độ lớn của lực gây ra gia tốc này bằng:

 **A.** 0,8 N **B.** 80 N **C.** 800 N **D.** 8 N

**Câu 21.** Một điện tích q = 5nC đặt tại điểm A. Cường độ điện trường của q tại điểm B cách A một khoảng 10cm có độ lớn và hướng:

 **A.** 4500V/m, hướng ra xa nó **B.** 450V/m, hướng ra xa nó

 **C.** 450V/m, hướng về phía nó **D.** 4500V/m, hướng về phía nó

**Câu 22.** Một vật rơi tự do, trong giây cuối cùng rơi được ba phần tư độ cao rơi.Vận tốc khi chạm đất là ( lấy g = 10 m/s2)

 **A.**  m/s **B.** 20 m/s **C.**  m/s **D.** 30 m/s

**Câu 23.** Biểu thức định luật Cu-lông (Coulomb) là

 **A.**  ** B.**  **C.**  ** D.** 

**Câu 24.** Các công thức liên hệ giữa tốc độ góc ω với chu kỳ T và giữa tốc độ góc ω với tần số f trong chuyển động tròn đều là:

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 25.** Hiệu điện thế hai đầu mạch ngoài cho bởi biểu thức nào sau đây?

 **A.** UN = Ir. **B.** UN =E – I.r. **C.** UN = I(RN + r). **D.** UN = E + I.r.

**Câu 26.** Đơn vị công của dòng điện là

 **A.** kVA **B.** W **C.** J/s **D.** kWh

**Câu 27.** Một mối hàn của một cặp nhiệt điện có hệ số αT = 65 (μV/K) được đặt trong không khí ở 200C, còn mối hàn kia được nung nóng đến nhiệt độ 2320C. Suất điện động nhiệt điện của cặp nhiệt khi đó là

 **A.** E = 13,78mV **B.** E = 13,00mV. **C.** E = 13,58mV. **D.** E = 13,98mV.

**Câu 28.** Có hai tụ điện: tụ điện 1 có điện dung C1 = 3 μF tích điện đến hiệu điện thế U1 = 300 V, tụ điện 2 có điện dung C2 = 2 μF tích điện đến hiệu điện thế U2 = 200 V. Nối hai bản mang điện tích cùng tên của hai tụ điện đó với nhau. Nhiệt lượng toả ra sau khi nối là:

 **A.** 169.10-3 J. **B.** 6 mJ. **C.** 6 J. **D.** 175 mJ.

**Câu 29.** Một chất điểm chuyển động trên trục 0x với gia tốc không đổi a = 4 m/s2 và vận tốc ban đầu v0 = - 10 m/s.

 **A.** Sau thời gian 2,5 s thì vật dừng lại, sau đó tiếp tục chuyển động nhanh dần đều. Vận tốc của nó lúc t = 5 s là v = - 10 m/s.

 **B.** Sau thời gian 2,5 s thì vật dừng lại, sau đó tiếp vẫn đứng yên. Vận tốc của nó lúc t = 5 s là v = 0 m/s.

 **C.** Sau thời gian 2,5s thì vật dừng lại, sau đó tiếp tục chuyển động nhanh dần đều. Vận tốc của nó lúc t = 5s là v = 10m/s.

 **D.** Sau thời gian 2,5 s thì vật dừng lại, sau đó tiếp tục chuyển động chậm dần đều. Vận tốc của nó lúc t = 5 s là v = 10 m/s.

**Câu 30.** Khi khởi động xe máy, không nên nhấn nút khởi động quá lâu và nhiều lần liên tục vì

 **A.** hỏng nút khởi động.

 **B.** tiêu hao quá nhiều năng lượng.

 **C.** động cơ đề sẽ rất nhanh hỏng.

 **D.** dòng đoản mạch kéo dài tỏa nhiệt mạnh sẽ làm hỏng acquy.

$$m$$

$$R$$

**Câu 31.** Một quả cầu nhẵn đồng chất có khối lượng *M* và bán kính  đặt trên

mặt bàn nhẵn nằm ngang. Một vật nhỏ có khối lượng  bắt đầu trượt không

ma sát từ đỉnh quả cầu đi xuống. Tỉ số  gần nhất với giá trị nào sau đây

thì vật nhỏ rời mặt quả cầu ở độ cao  so với mặt bàn?

 **A.** 1.6 7 **B.** 1,83

 **C.** 1,45 **D.** 2,16

**Câu 32.** Cho hai tụ điện phẳng không khí, các bản hình tròn bằng kim loại có đường kính D. Tụ 1 có khoảng cách giữa hai bản là d, tụ 2 có khoảng cách giữa hai bản là 2d. Tích điện cho mỗi tụ đến cùng hiệu điện thế U rồi ngắt khỏi nguồn. Sau đó đưa tụ 1 vào trong lòng của tụ 2 sao cho các bản song song nhau và hoàn toàn đối diện nhau. Tỉ số năng lượng của hệ tụ điện trước và sau khi đưa tụ 1 vào trong lòng tụ 2 có thể nhận giá trị nào sau đây?

 **A.** 1 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 3

**Câu 33.** Tại ba đỉnh A, B, C của một tam giác đều có cạnh 15cm đặt ba điện tích qA = + 2μC, q**B = + 8** μC, qC = - 8 μC. Tìm véctơ lực tác dụng lên qA:

 **A.** F = 5,9 N, phương song song với BC, chiều ngược chiều 

 **B.** F = 6,4N, phương song song với BC, chiều cùng chiều 

 **C.** F = 8,4 N, hướng vuông góc với 

 **D.** F = 6,4 N, hướng theo 

**Câu 34.** Ðặt vào hai đầu đoạn chứa biến trở R một nguồn điện ξ =20 V và điện trở trong r. Thay đổi giá trị của biến trở thì thấy đồ thị công suất tiêu thụ trên toàn mạch có dạng như hình vẽ. Công suất tiêu thụ cực đại trên đoạn mạch là:

 **A.** 40W **B.** 10W

 **C.** 30W **D.** 20 W

**Câu 35.** Một tụ điện phẳng có các bản đặt nằm ngang và hiệu điện thế giữa hai bản là 300 V. Một hạt bụi nằm lơ lửng trong khoảng giữa hai bản của tụ điện ấy và cách bản duới một khoảng 0,8 cm. Lấy g = 10m/s2 . Nếu hiệu điện thế giữa hai bản đột ngột giảm bớt đi 60 V thì thời gian hạt bụi sẽ rơi xuống bản duới là:

 **A.** 0,05 s. **B.** 0,02 s. **C.** 0,09 s **D.** 0,01 s.

**Câu 36.** Một điện tích điểm đặt tại O,một thiết bị đo độ lớn cường độ điện trường chuyển động thẳng từ M hướng đến O theo hai giai đoạn với vận tốc ban đầu bằng không với gia tốc có độ lớn 7,5m/s2 cho đến khi dừng lại tại điểm N. Biết NO = 15cm và số chỉ thiết bị đo tại N lớn hơn tại M là 81 lần. Thời gian thiết bị đó chuyển động từ M đến N có giá trị **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

 **A.** 9s. **B.** 6s. **C.** 15s. **D.** 12s.

**Câu 37.** Dưới tác dụng của lực điện trường của một điện trường đều hai hạt bụi mang điện tích trái dấu đi lại gặp nhau. Biết tỉ số giữa độ lớn điện tích và khối lượng của các hạt bụi lần lượt là q1 /m1 = 1/50 (C/kg); q2 /m2 = 3/50 (C/kg). Ban đầu hai hạt bụi nằm tại hai bản cách nhau d = 5cm với hiệu điện thế U = 100V. Hai hạt bụi bắt đầu chuyển động cùng lúc với vận tốc đầu bằng 0. Coi trọng lực của hạt bụi quá nhỏ so với lực điện trường. Xác định thời gian để hạt bụi gặp nhau.

 **A.** 0,015s. **B.** 0,05s. **C.** 0,025s. **D.** 0,1414s.

**Câu 38.** Ba dòng điện thẳng dài song song, cùng chiều, nằm trong cùng một mặt phẳng, có cường độ bằng nhau và bằng 2 A, chúng vuông góc với mặt phẳng hình vẽ và cắt mặt phẳng hình vẽ tại ba điểm M, N, P. Các khoảng cách Một điểm Q cách các dòng điện lần lượt QM = 60 cm, QN = QP = 30 cm như hình vẽ. Cảm ứng từ tổng hợp tại Q có độ lớn là

 **A.** 4,2.10-6 T. **B.** 3,6.10-6 T. **C.** 5,8.10-6 T. **D.** 2,9.10-6 T.

**Câu 39.** Ba quả cầu nhỏ có cùng khối lượng m, treo bằng 3 sợi dây mảnh không giãn cùng chiều dài *l* = 5cm vào cùng một điểm O, m=10g . Khi tích cho mỗi quả cầu một điện tích q thì chúng đẩy nhau và cách nhau đoạn a = 3cm cho g = 10(m/s2). Điện tích của mỗi quả cầu bằng:

 **A.** q = 1,14.10-7C **B.** q = 2,14.10-7C **C.** q = 2,28.10-7C **D.** q = 4,14.10-7C

**Câu 40.** Hai điện tích dương q1 = - q2 lần lượt đặt tại hai điểm M, N cách nhau một đoạn 10cm. Tại điểm P trên đoạn MN có  (với  lần lượt là vec tơ cường độ điện trường do q1, q2 gây ra tại P). Khoảng cách MP là

 **A.** 2,5cm **B.** 9cm **C.** 1cm **D.** 7,5cm

**Câu 41.** Tại điểm O đặt điện tích điểm Q thì độ lớn cường độ điện trường tại A và E. Trên tia vuông góc với OA tại điểm A có điểm B cách A một khoảng 8cm. Điểm M thuộc AB sao MA = 4,5cm và góc  có giá trị lớn nhất. Để độ lớn cường độ điện trường tại M là 3,2E thì điện tích điểm tại O phải tăng thêm

 **A.** Q. **B.** 4Q. **C.** 3Q. **D.** 2Q

**Câu 42.** Cho 3 bản kim loại phẳng giống nhau 1,2,3 đặt song song và cách nhau lần lượt là d12=5cm, d23=8cm. Bản 1 và bản 3 tích điện dương, bản 2 tích điện âm, cường độ điện trường giữa các bản là E12= 4.104 V/m và E23 = 5.104 V/m. Chọn mốc điện thế tại bản 1, điện thế tại bản 2 và 3 lần lượt là

 **A.** – 2000V, 2000V **B.** 2000V, - 2000V **C.** 2000V,4000V **D.** -2000V, 4000V

**Câu 43.** Hai điện tích q1 = q2 > 0 đặt tại A và B trong không khí, biết AB = 2a.Tại M trên đường trung trực của AB cách AB một đoạn h, EM có giá trị cực đại. Giá trị cực đại đó là:

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 44.** Cho nguồn điện không đổi có suất điện động E, điện trở trong r = 0,5 Ω. Ban đầu mắc một tụ điện có điện dung C = 2 μF vào hai cực của nguồn điện, khi ổn định thì điện tích của tụ điện là 24 μC. Sau đó tháo tụ điện ra, mắc vào hai cực của nguồn điện N bóng đèn loại 3V - 3W, các bóng đèn được mắc thành x dãy song song mỗi dãy có y bóng nối tiếp và sáng bình thường. Giá trị lớn nhất của N là

 **A.** 24. **B.** 36. **C.** 48. **D.** 12.

**Câu 45.** Cho mạch điện như hình vẽ, bỏ qua điện trở các đoạn đây nối, R1 = 3Ω; R2 = 6Ω; R3 = 4Ω; R4 = 12Ω; E = 12V; r = 2Ω; RA = 0. Số chỉ ampe (A) là

 **A.** 0,9 A **B.** 10/9 A

 **C.** 7/6 A **D.** 6/7 A

**Câu 46.** Hai quả cầu nhỏ giống hệt nhau đuợc tích điện cùng dấu nhưng có giá trị khác nhau, đặt hai quả cầu tại điểm A và B trong chân không thì chúng đẩy nhau bằng một lực F1. Cho hai quả cầu tiếp xúc rồi đặt lại vào điểm A và B như cũ thì thấy chúng đẩy nhau bằng một lực F2. Nhận định nào sau đây đúng?

 **A.** F1 < F2 **B.** F1 = F2 **C.** F1 > F2 **D.** F1 = 2F2

**Câu 47.** Một bộ nguồn gồm 30 pin mắc hỗn hợp thành 3 nhóm nối tiếp, mỗi nhóm có 10 pin mắc song song, mỗi pin có suất điện động 0,9V và điện trở trong 0,6Ω. Một bình điện phân dung dịch đồng có anot bằng đồng có điện trở 205Ω nối với hai cực bộ nguồn trên thành mạch kín. Khối lượng đồng bám vào catot trong thời gian 1 giờ **gần nhất** với giá trị nào sau đây? Biết A = 64, n = 2.

 **A.** 0,023g **B.** 0,016g **C.** 0,01g **D.** 0,013g

**Câu 48.** Một bình hình trụ kín đặt thẳng đứng được chia làm hai phần ngăn cách nhau bởi một pittông nặng cách nhiệt. Phần trên chứa 1 mol và phần dưới chứa 2 mol của cùng một chất khí. Khi nhiệt độ hai phần là T0 = 300 K thì áp suất khí ở phần dưới bằng ba lần áp suất khí ở phần trên. Giữ nhiệt độ phần trên không đổi, để pittông nằm ngay chính giữa bình thì nhiệt độ của khí ở phần dưới là:

 **A.** 400k **B.** 450K **C.** 600K **D.** 300k

**Câu 49.** Cho mạch điện như hình vẽ, nguồn điện có suất điện động E=8V, điện trở trong . Điện trở của đèn , điện trở ,điện trở ampe kế không đáng kể *(Hình 1).*Khoá K mở, di chuyển con chạy C, người ta nhận thấy khi điện trở của phần AC của biến trở AB có giá trị  thì đèn tối nhất. Điện trở toàn phần của biến trở bằng

E, r

**R1**

**A**

**B**

**C**

**R2**

**D**

*Hình 1*

 **A. . B. .**

 **C. . D. .**

**Câu 50.** Viên đạn khối lượng m1 = 50g bay theo phương ngang với vận tốc vo= 20m/s đến cắm vào vật m2 = 450g treo ở đầu sợi dây dài l = 2 m. Bỏ qua mọi lực cảm, lấy g = 10m/s2, góc lệnh lớn nhất mà dây treo lệnh so với phương thẳng đứng sau khi viên đạn cắm vào m2 gần với giá trị nào nhất sau đây?

 **A.** 32o **B.** 24o. **C.** 28o. **D.** 26o.

***------ HẾT ------***